

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/DS-ST

Ngày: 30/3/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sự và ông Phạm Văn Cảnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 440/2025/TLST-DS ngày 12/11/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-DS ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); trụ sở: Số H, Đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh L hoặc ông Nguyễn Hoàng A; cùng địa chỉ: Số F, Đường N, Tổ G, Khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999; địa chỉ: Số D, Tổ D, khu phố F, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09/11/2022, Ngân hàng và ông Nguyễn Thanh T đã ký kết Hợp đồng cho vay số LN221110737086 (mã khoản vay: 102-P0073699). Theo nội dung Hợp đồng, Ngân hàng đã cho ông Nguyễn Thanh T vay số tiền 240.000.000 đồng

nhằm mục đích tiêu dùng, với thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng thực hiện giải ngân vốn vay đầu tiên.

Sau khi Hợp đồng được ký kết, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông **Nguyễn Thanh T** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo đúng thời hạn đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 30/03/2026, dư nợ thực tế của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 444.311.368 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 239.998.218 đồng, nợ lãi là 204.313.150 đồng. Toàn bộ khoản nợ này được tính toán phù hợp với các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện, gia hạn và thông báo yêu cầu thanh toán, nhưng ông **Nguyễn Thanh T** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thể hiện việc không hợp tác và không có thiện chí thanh toán khoản vay.

Xét thấy ông **Nguyễn Thanh T** không còn khả năng thanh toán nợ, Ngân hàng đã thực hiện chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, đồng thời ban hành thông báo chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện sau đây:

- Buộc ông **Nguyễn Thanh T** thanh toán toàn bộ khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN221110737086, tạm tính đến ngày 30/03/2026 là 444.311.368 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 239.998.218 đồng; Nợ lãi: 204.313.150 đồng.

- Buộc ông **Nguyễn Thanh T** tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 31/03/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

* *Bị đơn ông **Nguyễn Thanh T***: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các tài liệu liên quan cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Đồng thời, bị đơn cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến của mình hoặc để phản đối yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

** Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Những bị đơn không tham gia phiên tòa được coi là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19- Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền.

[2] Sự vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **Nguyễn Thanh T** theo quy định tại các Điều 170, 171 và 173 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn không tham gia tố tụng, không có mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có lý do chính đáng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về hiệu lực Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cho vay số LN221110737086 ký ngày 09/11/2022 giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức phù hợp quy định tại các Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổ chức tín dụng và khách hàng được thỏa

thuận về việc cấp tín dụng trên cơ sở hợp đồng, nên Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, có hiệu lực và ràng buộc các bên thực hiện.

[4] Về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng:

Theo Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay có nghĩa vụ hoàn trả tiền gốc và lãi khi đến hạn; đồng thời, theo Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, khách hàng vay vốn có nghĩa vụ sử dụng vốn đúng mục đích và hoàn trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

Trong vụ án này, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân; ngược lại, ông **Nguyễn Thanh T** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết trong Hợp đồng. Do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về số tiền nợ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định đến ngày 30/03/2026, ông **Nguyễn Thanh T** còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 444.311.368 đồng, bao gồm nợ gốc và nợ lãi. Việc tính lãi của **Ngân hàng P** với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời phù hợp với quy định về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng theo Luật Các tổ chức tín dụng.

[6] Về lãi quá hạn và tiếp tục tính lãi:

Theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Đồng thời, theo cơ chế hoạt động tín dụng, tổ chức tín dụng và khách hàng được thỏa thuận về lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do đó, yêu cầu của Nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi kể từ ngày 31/03/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên ông **Nguyễn Thanh T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 117, 119, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** đối với ông **Nguyễn Thanh T** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc ông **Nguyễn Thanh T** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** số tiền 444.311.368 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 239.998.218 đồng; Nợ lãi: 204.313.150 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN221110737086 ký ngày 09/11/2022.

Kể từ ngày 31/03/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông **Nguyễn Thanh T** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN221110737086.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông **Nguyễn Thanh T** phải chịu 21.772.454 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** số tiền 9.458.290đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn hai trăm chín mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0033817, ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 19;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý

